

PHỤ LỤC

Thông số kỹ thuật hộ chiếu nổ mìn và các vị trí giám sát ảnh hưởng nổ mìn

(Kèm theo Báo cáo 1534/BC-STC ngày 21/9/2022 của Sở Công Thương Hải Dương)

I. Thông số kỹ thuật hộ chiếu nổ mìn và các vị trí giám sát ảnh hưởng nổ mìn do Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Quảng Ninh thực hiện

Bảng 1: Bảng thông số kỹ thuật các bãi nổ cần đo giám sát

STT	Vị trí đặt máy	Ngày thực hiện công tác đo giám sát ảnh hưởng nổ mìn	Vị trí nổ mìn	Quy mô bãi nổ (kg)	Lượng thuốc nổ tức thời lớn nhất (kg)	Phương pháp nổ mìn
1	Máy 1: Đặt tại sân trước cổng nhà ông Mạc Văn Nơi	19/7/2022	Gương lò thượng TG-VT mức -180/-100 V2 Cánh Tây	2,6	1,2	Vi sai qua cụm
	Máy 2: Đặt tại vị trí gần nhất trên mặt đất tới gương lò					
2	Máy 1: Đặt tại sân nhà ông Mạc Văn Bồn	19/7/2022	Gương lò DV vận tải mức -180 V4 cánh Tây	2,2	1,0	Vi sai qua cụm
	Máy 2: Đặt tại vị trí gần nhất trên mặt đất tới gương lò					
3	Máy 1: Đặt tại sân nhà ông Mạc Văn Bồn	19/7/2022	Gương lò DV vận tải mức -180 V4 cánh Tây	3,2	1,2	Vi sai qua cụm
	Máy 2: Đặt tại vị trí gần nhất trên mặt đất tới gương lò					

STT	Vị trí đặt máy	Ngày thực hiện công tác đo giám sát ảnh hưởng nổ mìn	Vị trí nổ mìn	Quy mô bãi nổ (kg)	Lượng thuốc nổ tức thời lớn nhất (kg)	Phương pháp nổ mìn
4	Máy 1: Đặt tại sân nhà ông Dương Văn Trường	05/8/2022	Gương lò thượng TG-VT mức -180/-100 V2 Cánh Tây	2,6	1,2	Vi sai qua cụm
	Máy 2: Đặt tại sân nhà ông Mạc Văn Quyết					
5	Máy 1: Đặt tại sân nhà ông Mạc Văn Bồn	05/8/2022	Gương lò DV vận tải mức -180 V4 cánh Tây	2,2	1,0	Vi sai qua cụm
	Máy 2: Đặt tại sân nhà ông Mạc Văn Xuân					
6	Máy 1: Đặt tại sân nhà ông Mạc Văn Bồn	05/8/2022	Gương lò DV vận tải mức -180 V4 cánh Tây	3,2	1,2	Vi sai qua cụm
	Máy 2: Đặt tại sân nhà ông Mạc Văn Xuân					
7	Máy 1: Đặt tại sân nhà ông Nguyễn Văn Tuyển	11/8/2022	Gương lò DV vận tải mức -180 V4 cánh Tây	2,2	1,0	Vi sai qua cụm
	Máy 2: Đặt tại sân nhà ông Nguyễn Văn Hữu					
8	Máy 1: Đặt tại sân nhà ông Nguyễn Văn Tuyển	11/8/2022	Gương lò DV vận tải mức -180 V4 cánh Tây	3,2	1,2	Vi sai qua cụm
	Máy 2: Đặt tại sân nhà ông Nguyễn Văn Hữu					

Bảng 2: Bảng kết quả đo giám sát

T T	Vị trí đặt máy	Vị trí nổ mìn	Ngày đo giám sát	Quy mô bãi nổ (kg)	Lượng thuốc nổ tức thời lớn nhất (kg)	Khoảng cách đứng (m)	Khoảng cách bằng (m)	Hệ số tỷ lệ Ds theo thực tế	Hệ số tỷ lệ Ds cho phép	Tốc độ dao động (mm/s)	Tốc độ dao động cho phép (mm/s)
1	Máy 1: Đặt tại sân trước cổng nhà ông Mạc Văn Nơi	Gương lò thượng TG-VT mức -180/-100 V2 Cánh Tây	19/7/2022	2,6	1,2	-	300	273,9	$\geq 24,9$	Không có dao động	$\leq 25,4$
	131					-	-	$\geq 24,9$	0,921	$\leq 25,4$	
2	Máy 1: Đặt tại sân nhà ông Mạc Văn Bồn	Gương lò DV vận tải mức -180 V4 cánh Tây	19/7/2022	2,2	1,0	-	160	160	$\geq 24,9$	Không có dao động	$\leq 25,4$
	184					-	-	$\geq 24,9$	Không có dao động	$\leq 25,4$	
3	Máy 1: Đặt tại sân nhà ông Mạc Văn Bồn	Gương lò DV vận tải mức -180 V4 cánh Tây	19/7/2022	3,2	1,2	-	160	146,1	$\geq 24,9$	Không có dao động	$\leq 25,4$
	184					-	-	$\geq 24,9$	Không có dao động	$\leq 25,4$	

T T	Vị trí đặt máy	Vị trí nổ mìn	Ngày đo giám sát	Quy mô bãi nổ (kg)	Lượng thuốc nổ tức thời lớn nhất (kg)	Khoảng cách đứng (m)	Khoảng cách bằng (m)	Hệ số tỷ lệ Ds theo thực tế	Hệ số tỷ lệ Ds cho phép	Tốc độ dao động (mm/s)	Tốc độ dao động cho phép (mm/s)
4	Máy 1 : Đặt tại sân nhà ông Dương Văn Trường	Gương lò thượng TG- VT mức	05/8/2022	2,6	1,2	-	545	497,5	$\geq 24,9$	Không có dao động	$\leq 25,4$
	Máy 2 : Đặt tại sân nhà ông Mạc Văn Quyết	-180/-100 V2 Cánh Tây				-	621	566,9	$\geq 24,9$	Không có dao động	$\leq 25,4$
5	Máy 1 : Đặt tại sân nhà ông Mạc Văn Bôn	Gương lò DV vận tải mức	05/8/2022	2,2	1,0	-	161	161,0	$\geq 24,9$	Không có dao động	$\leq 25,4$
	Máy 2 : Đặt tại sân nhà ông Mạc Văn Xuân	-180 V4 cánh Tây				-	192	192,0	$\geq 24,9$	Không có dao động	$\leq 25,4$
6	Máy 1 : Đặt tại sân nhà ông Mạc Văn Bôn	Gương lò DV vận tải mức	05/8/2022	3,2	1,2	-	161	146,9	$\geq 24,9$	Không có dao động	$\leq 25,4$
	Máy 2 : Đặt tại sân nhà ông Mạc Văn Xuân	-180 V4 cánh Tây				-	192	175,3	$\geq 24,9$	Không có dao động	$\leq 25,4$
7	Máy 1 : Đặt tại sân nhà ông Nguyễn Văn Tuyên	Gương lò DV vận tải mức	05/8/2022	2,2	1,0	-	615	615,0	$\geq 24,9$	Không có dao động	$\leq 25,4$

T T	Vị trí đặt máy	Vị trí nổ mìn	Ngày đo giám sát	Quy mô bãi nổ (kg)	Lượng thuốc nổ tức thời lớn nhất (kg)	Khoảng cách đứng (m)	Khoảng cách bằng (m)	Hệ số tỷ lệ Ds theo thực tế	Hệ số tỷ lệ Ds cho phép	Tốc độ dao động (mm/s)	Tốc độ dao động cho phép (mm/s)
	Máy 2 : Đặt tại sân nhà ông Nguyễn Văn Hữu	-180 V4 cánh Tây				-	690	690,0	$\geq 24,9$	Không có dao động	$\leq 25,4$
8	Máy 1 : Đặt tại sân nhà ông Nguyễn Văn Tuyển	Gương lò DV vận tải mức	05/8/2022	3,2	1,2	-	615	561,4	$\geq 24,9$	Không có dao động	$\leq 25,4$
	Máy 2 : Đặt tại sân nhà ông Nguyễn Văn Hữu	-180 V4 cánh Tây				-	690	629,9	$\geq 24,9$	Không có dao động	$\leq 25,4$

II. Thông số kỹ thuật hộ chiếu nổ mìn và các vị trí giám sát ảnh hưởng nổ mìn do Trung Tâm Bồi dưỡng và Tư vấn nổ thực hiện

Bảng 1. Vị trí giám sát ảnh hưởng nổ mìn của từng bãi nổ

TT	Số hộ chiếu	Vị trí giám sát	Khoảng cách đo (m)			Khối lượng thuốc nổ một cấp vi sai (Kg)
			Khoảng cách ngang (m)	Khoảng cách chéo (m)	Khoảng cách thẳng đứng (m)	
1	HC01 Nổ mìn tại lò dục vỉa đá - 180 Cánh Tây, tiết diện $S_d = 9,5m^2$ Ngày 25 tháng 08 năm 2022	Nhà ông: Nguyễn Văn Đương	348	391,93	181,77	2,8
		Nhà ông: Mạc Văn Tình	416	454,68	181,77	
		Nhà ông: Nguyễn Văn Tuyên	733	752,57	181,77	
		Nhà ông: Nguyễn Văn Hữu	809	828,67	181,77	
		Vị trí giám sát nội suy tương ứng với hoạt động nổ mìn năm 2018	145	229,07	181,77	
2	HC02 Nổ mìn tại khâu thượng mức -140 vỉa 2 Cánh tây, tiết diện $S_d=6,5m^2$ Ngày 25 tháng 08 năm 2022	Nhà ông: Mạc Văn Noi	178	228,75	138,0	2,8
		Nhà ông: Mạc Văn Bôn	201	246,85	138,0	
		Nhà ông: Mạc Văn Xuân	204	249,12	138,0	
		Khu vực văn phòng điều hành mỏ	577	595	138,0	
		Vị trí giám sát nội suy tương ứng với hoạt động nổ mìn năm 2018	140	198,02	138,0	
	HC03	Nhà ông: Nguyễn Văn Đương	348	391,93	181,77	2,2

TT	Số hộ chiếu	Vị trí giám sát	Khoảng cách đo (m)			Khối lượng thuốc nổ một cấp vi sai (Kg)
			Khoảng cách ngang (m)	Khoảng cách chéo (m)	Khoảng cách thẳng đứng (m)	
3	dọc vỉa đá - 180 Cánh Tây, tiết diện $S_d = 9,5m^2$	Nhà ông: Mạc Văn Tình	416	454,68	181,77	
		Nhà ông: Nguyễn Văn Tuyển	733	752,57	181,77	
	Ngày 26 tháng 08 năm 2022	Nhà ông: Nguyễn Văn Hữu	809	828,67	181,77	
	Vị trí giám sát nội suy tương ứng với hoạt động nổ mìn năm 2018	145	229,07	181,77		
4	HC04 Nổ mìn tại khâu thượng mức - 140 vỉa 2 Cánh tây, tiết diện $S_d = 6,5m^2$	Nhà ông: Mạc Văn Nơi	178	228,75	138,0	0,8
		Nhà ông: Mạc Văn Bồn	201	246,85	138,0	
	Nhà ông: Mạc Văn Xuân	204	249,12	138,0		
	Khu vực văn phòng điều hành mỏ	496	516,62	138,0		
	Ngày 26 tháng 08 năm 2022	Vị trí giám sát nội suy tương ứng với hoạt động nổ mìn năm 2018	140	198,02	138,0	
5	HC05 Nổ mìn tại lò dọc vỉa đá - 180 Cánh Tây, tiết diện $S_d = 9,5m^2$	Nhà ông: Nguyễn Văn Đương	348	391,93	181,77	2,2
		Nhà ông: Nguyễn Văn Hữu	809	828,67	181,77	
	Ngày 29	Vị trí trung tâm vùng nổ theo phương thẳng đứng	-	-	181,77	
	Trạm xử lý nước	547	576,15	181,77		

TT	Số hộ chiếu	Vị trí giám sát	Khoảng cách đo (m)			Khối lượng thuốc nổ một cấp vi sai (Kg)
			Khoảng cách ngang (m)	Khoảng cách chéo (m)	Khoảng cách thẳng đứng (m)	
	tháng 08 năm 2022	thải công ty				
		Khu vực cách cổng vào công ty 200 m	379	420	181,77	

Bảng 2. Kết quả giám sát so với quy chuẩn QCVN 01:2019/BCT

Số HC	KL TN một cấp vi sai, kg	Vị trí giám sát	Khoảng cách đo, m	Sóng chấn động, mm/s	
				Kết quả Giám sát	Quy chuẩn QCVN 01:2019/BCT
NGÀY 25/8/2022					
HC01	2,8kg	Nhà ông: Nguyễn Văn Đương	348	Không nhận	25,4mm/s Từ 92 m đến 1524 m
		Nhà ông: Mạc Văn Tình	416	Không nhận	
		Nhà ông: Nguyễn Văn Tuyển	733	Không nhận	
		Nhà ông: Nguyễn Văn Hữu	809	Không nhận	
		Vị trí giám sát nội suy tương ứng với hoạt động nổ mìn năm 2018	145	Không nhận	
	2,8kg	Nhà ông: Mạc Văn Noi	178	Không nhận	

Số HC	KL TN một cấp vi sai, kg	Vị trí giám sát	Khoảng cách đo, m	Sóng chấn động, mm/s	
				Kết quả Giám sát	Quy chuẩn QCVN 01:2019/BCT
HC02		Nhà ông: Mạc Văn Bôn	201	2,06 mm/s	
		Nhà ông: Mạc Văn Xuân	204	Không nhận	
		Khu vực văn phòng điều hành mở	496	Không nhận	
		Vị trí giám sát nội suy tương ứng với hoạt động nổ mìn năm 2018	140	Không nhận	
NGÀY 26/8/2022					
HC03	2,2kg	Nhà ông: Nguyễn Văn Đương	348	Không nhận	25,4mm/s Từ 92 m đến 1524 m
		Nhà ông: Mạc Văn Tình	416	1,80 mm/s	
		Nhà ông: Nguyễn Văn Tuyền	733	Không nhận	
		Nhà ông: Nguyễn Văn Hữu	809	Không nhận	
		Vị trí giám sát nội suy tương ứng với hoạt động nổ mìn năm 2018	145	Không nhận	
HC04	0,8kg	Nhà ông: Mạc Văn Noi	178	Không nhận	
		Nhà ông: Mạc Văn Bôn	201	Không nhận	

Số HC	KL TN một cấp vi sai, kg	Vị trí giám sát	Khoảng cách đo, m	Sóng chấn động, mm/s	
				Kết quả Giám sát	Quy chuẩn QCVN 01:2019/BCT
		Nhà ông: Mạc Văn Xuân	204	Không nhận	
		Khu vực văn phòng điều hành mỏ	496	Không nhận	
		Vị trí giám sát nội suy tương ứng với hoạt động nổ mìn năm 2018	140	Không nhận	
NGÀY 29/8/2022					
HC03	2,2kg	Nhà ông: Nguyễn Văn Đương	348	Không nhận	25,4mm/s Từ 92 m đến 1524 m
		Nhà ông: Nguyễn Văn Hữu	809	Không nhận	
		Vị trí trung tâm vùng nổ theo phương thẳng đứng	181,77	Không nhận	
		Trạm xử lý nước thải Cty	547	Không nhận	
		Khu vực cách cổng vào Công ty 200 m	379	Không nhận	

